TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHOA MÔI TRƯỜNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

1. Tên học phần: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

2. Mã học phần: ENV3017

3. Số tín chỉ: **02** **Học phần**: *Bắt buộc*

Lý thuyết:	0 tiết
Thực hành (thực hành, thảo luận, bài tập, kiểm tra):	60 tiết
Tự học:	60 giờ

4. Phân bố thời gian

Thời điểm thực hiện: Học kỳ 5 (trong chương trình đào tạo)

Số tiết/ tuần: 4 tiết

Tổng số tuần: 15tuần

5. Khoa phụ trách: Môi trường

6. Điều kiện ràng buộc: Không

7. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành khoa học môi trường và bối cảnh sử dụng các thuật ngữ về tài nguyên và môi trường và nhằm giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, đọc hiểu, củng cố các từ vựng và thuật ngữ và dịch được các tài liệu về khoa học môi trường thông qua việc nghiên cứu các đề tài cụ thể như: khoa học môi trương là gì? Các hệ sinh thái, các tầng khí quyển, các tài nguyên năng lượng, tài nguyên đất, bảo tồn đa dạng sinh học, các loại ô nhiễm, tái chế rác thải, nông nghiệp và phát triển bền vững...

8. Mục tiêu học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên:

8.1. Về kiến thức:

- Sử dụng được các thuật ngữ lĩnh vực môi trường trong các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học.

- Nghe và đọc hiểu được các bài viết khoa học thuộc chuyên ngành.

- Viết được các bài viết khoa học hoặc các bài thuyết trình về chủ đề môi trường bằng tiếng Anh.

- Thuyết trình và thảo luận bằng tiếng Anh một số vấn đề nào đó trong ngành Quản lý môi trường hay nhóm ngành Tài nguyên và môi trường.

8.2. Về kỹ năng:

Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Phát triển kỹ năng phản biện, thuyết trình, viết bài tiểu luận, báo cáo, tự học và tìm kiếm thông tin; Phát huy kỹ năng tư duy, phân tích và tóm tắt các tài liệu chuyên ngành về môi trường.

8.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng nhận thức và lý giải các vấn đề môi trường diễn ra trong cuộc sống hàng ngày; có thái độ ham học hỏi và ý thức trách nhiệm với công tác bảo vệ môi trường của đất nước và xã hội, nâng cao thái độ hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm và tính trung thực trong công việc.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

9.1. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng;

- Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế.

9.2. Nội dung cần đạt

- Kiến thức:

+ Sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực môi trường.

+ Nghe và đọc hiểu được các bài báo khoa học bằng tiếng Anh thuộc chuyên ngành môi trường.

+ Thuyết trình được các chủ đề môi trường bằng tiếng Anh.

- Kĩ năng: Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, phân tích và tóm tắt các tài liệu chuyên ngành.

- Thái độ: Chăm chỉ, ý thức tốt trong học tập; Có khả năng nhận thức và lý giải các vấn đề môi trường, có trách nhiệm với công tác bảo vệ môi trường.

10. Tài liệu tham khảo

10.1. Giáo trình chính thức

[1]. Richard Lee (2009), English for Environmental science in higher education studies, Garnet Publishing Ltd.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Đặng Thị Vân Anh, Phan Vũ Bình Minh (2016), English for Environmental Technology, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

11. Trang, thiết bị dạy - học: Máy tính, máy chiếu, bảng, loa.

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Theo Điều 10, Điều 19, Điều 21, Điều 22 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên tham dự học mỗi học phần được đánh giá loại đạt nếu:

- Có đăng ký học học phần đúng thời hạn và đảm bảo điều kiện tiên quyết vào đầu môi học kỳ với phòng Đào tạo nhà trường.

- Tích cực tham dự lớp học, hoàn thành đầy đủ các điểm đánh giá bộ phận (Ai) và điểm kết thúc học phần (ĐKTHP). Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong buổi kiểm tra đánh giá điểm bộ phận hoặc thi kết thúc học phần sẽ nhận điểm 0.

- Có điểm học phần (ĐHP) đạt một trong các mức điểm A, B, C, D.

13. Thang điểm

Thang điểm tính theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

Xếp loại		**Thang điểm 10**	**Thang điểm chữ**	**Thang điểm 4**
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	9,0 – 10,0	A+	4,0
		8,5 – 8,9	A	3,8
	Khá	8,0 – 8,4	B+	3,5
		7,0 – 7,9	B	3,0
	Trung bình	6,5 – 6,9	C+	2,5
		5,5 – 6,4	C	2,0
	Trung bình yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
		4,0 – 4,9	D	1,0
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

14. Nội dung học phần

Unit 1: What is environmental science?

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

1.1. Definition of environmental science

1.2. Aspects of environmental science

Unit 2: What do environmental scientist do?

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ 2.1. The role of environmental science

2.2. Careers in environmental science

Review and Evaluation 1 (4 tiết)

Unit 3: The atmosphere

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ 3.1. Gaseous composition of atmosphere

3.2. Effects of human activity on atmosphere

3.3. Depletion of the ozone layer

Unit 4: Computers in environmental science

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

4.1. Digital mapping/GIS

4.2. Computer for research

Unit 5: Energy resources

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

5.1. Non-renewable energy sources and their environmental impact

5.2. Renewable energy sources: solar, hydro, wind power

Review and evaluation 2 (4 tiết)

Unit 6: Soil as a resource

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

6.1. Composition of soil/difference types of soil

6.2. Impact of intensive farming on soil

Unit 7: Recycling waste

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

7.1. Recycling methods and processes

7.2. Advantages and disadvantages of recycling

Unit 8: Ecosystems

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

8.1. The Earth's biophere

8.2. Definition of ecosystem

8.3. How organisms interact within an ecosystem/food chains

Unit 9: Preserving biodiversity

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

9.1 Impact of human activity on flora and fauna

9.2. Accelerated extinctions

9.3. Case study: lowland and mountain gorilla

Unit 10: Pollution

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

10.1.Environmental effects of modern transportation systems and power stations

10.2. Technological and legislative measures to reduce pollution

Unit 11: Agriculture

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

11.1. Environmental impacts of modern farming methods

11.2. GM foods

11.3. Organic farming

Unit 12: Sustainability

Tổng số: 4 tiết, trong đó Lý thuyết: 0 tiết, Thực hành: 4 tiết; Tự học: 4 giờ

12.1. The concept of sustainability

12.2. Survey gathering quantitative data on attitudes on sustainable transport

Review and evaluation 3 (4 tiết)

15. Phương pháp đánh giá học phần

Quy định số lần kiểm tra bài tập hoặc tiểu luận, thi, số bài thực hành, trọng số của mỗi lần đánh giá:

TP	Chuyên cần								Định kỳ				Thi	
	Trọng số 10%								30%				60%	
TC	(1)		(2)		(3)		(4)		(5)		(6)		(7)	(8)
	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS	SL	HS
	1	1	2	1	1	2					2	1	1	1
Liên hệ với 9.2											x		x	
											x		x	
											x		x	
			x		x						x		x	
	x		x								x		x	

Tích (X) nếu bài kiểm tra, đánh giá liên quan đến những nội dung cần đạt tại mục 9.2

(1) Điểm chuyên cần (vắng học 2% tổng số tiết trừ 1 điểm, tính theo thang điểm 10)

(2) Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập;

(3) Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

(4) Điểm đánh giá thực hiện bài tập, thực hành;

(5) Điểm thi giữa kỳ;

(6) Điểm đánh giá định kỳ;

(7) Thi kết thúc học phần hoặc Điểm tiểu luận.

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60%. Hình thức thi: Thi viết.

Khi đó điểm học phần là:

$$\frac{CC \times 1 + DK \times 3 + T \times 6}{10}$$

16. Phương pháp dạy và học: Giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành.

Ban Giám hiệu	**Trưởng khoa**	**Người soạn**
	Lê Duy Khương	**Nguyễn Thị Thắm**